TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BT** **TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2019/QĐST-DS	*Thành phố BT, ngày 28 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Đoàn Thị Bé H,** sinh năm 1971

Nơi cư trú: 74C, đường Đoàn Hoàng Minh, khu phố 3, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:***Võ Văn L**, sinh năm 1968

Nguyễn Thị M, sinh năm 1972

Nơi cư trú: 12C, đường Đoàn Hoàng Minh, khu phố 3, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị M đồng ý giao trả cho bà Đoàn Thị Bé H phần đất có diện tích 496,5m^2 thuộc thửa 120 (9) tại phường A, thành phố BT do bà Đoàn Thị Bé H đứng tên trong giấy theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 645799 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BT cấp ngày 04/12/2017, theo hồ sơ đo đạc ngày 16/5/2019 và ngày 28/5/2019, phần đất có vị trí tại các điểm 1-2-3-4-5-6-32-10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21-22-23-39-40-41-28-29-30-31-1, phần đất có tứ cận sau:

Đông giáp thửa 26 (9) và giáp rạch.

Tây giáp hẻm và thửa 23 (9), thửa 110 (9).

Nam giáp thửa 28 (9), 117 (9) và thửa 120B (9)

Bắc giáp thửa 120A (9).

(Có hồ sơ đo đạc kèm theo).

- Ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị M đồng ý di dời tài sản có trên phần đất trên gồm: 01 căn nhà chính diện tích 38,9m^2 có kết cấu gỗ tạp, cột gỗ, vách gỗ, mái tôn và lá, nền lát gạch tàu và xi măng, di dời 01 cây mai vàng, riêng các tài sản còn lại gồm: 01 nhà vệ sinh, 01 cây dừa, 01 cây xoài, 01 bụi tre, 03 cây so đũa, 03 bụi chuối, 01 cây mít, 03 cây ổi, 02 cây cau kiểng ông L, bà M đồng ý giao cho bà H quản lý, sử dụng, không yêu cầu bà H bồi thường.

- Ghi nhận bà Đoàn Thị Bé H cho ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị M thời gian lưu cư đến ngày 21/11/2019.

- Ghi nhận bà Đoàn Thị Bé H đồng ý hỗ trợ chi phí di dời tài sản cho ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị M với số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), bà H giao cho ông L, bà M làm 2 đợt, cụ thể:

Đợt 1: Ngày 21/9/2019 giao số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Đợt 2: Ngày 21/11/2019 giao số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ghi nhận bà H không yêu cầu ông L, bà M di dời 03 ngôi mộ trên phần đất thuộc thửa 120 (9), bà H đồng ý để dành lối đi cho ông L, bà M để đi vào 03 ngôi mộ này theo vị trí các điểm 28-29-32-33-40-41-28 thuộc thửa 120 (9).

- Về chi phí tố tụng: Ghi nhận bà H tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí khác là 1.479.000đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng), bà H đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Bé H tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000917 ngày 28/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, bà H được hoàn lại số tiền chênh lệch là 2.350.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ DIỄM CHÂU

-